TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 29/6/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bền
2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1989; đăng ký HKTT: Thôn An L, xã An T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn Đông T, xã Hà B, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1986; đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn An L, xã An T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1970 và ông Trịnh Xuân S, sinh năm 1964; Đều trú tại: Thôn Đông T, xã Hà B, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa.

(*Chị Tcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Biên, ông Sáng và bà Liên đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn B trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2010. Sau ngày cưới hai vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ chồng tại Thôn An L, xã An T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung vợ chồng giữa hạnh phúc được khoảng 3 đến 4 năm thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Bthường xuyên tụ tập bạn bè, không ở nhà, không quan tâm đến vợ con, không có ý chí phấn đấu cho tương lai. Chị cũng nhiều lần nói chuyện và khuyên bảo anh Bnhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh Bcòn đánh chị. Đến năm 2021 do không thể chung sống với anh Bđược nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Bcó lần vào tìm chị, xin lỗi và hứa sẽ thay đổi, chị cũng có nói với anh Bđể thời gian xem anh Bcho thay đổi không thì sẽ về chung sống cùng với anh Biên. Tuy nhiên, sau đó anh Bvẫn không có thay đổi gì, mỗi lần tụ tập bạn bè rượu chè về đều gọi điện để chửi bới chị. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Bnữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Bcó 03 con chung là Phạm Đức A sinh ngày 31/10/2011, Phạm Bảo N, sinh ngày 27/7/2014 và Phạm Mạnh T sinh ngày 02/8/2019, hiện cháu Trường đang sống cùng với chị còn cháu Đức Anh và cháu Bảo Nam đang sống cùng với anh Biên. Quan điểm của chị khi ly hôn là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Đức Anh và cháu Trường còn anh Bsẽ nuôi cháu Bảo Nam. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Bphải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm tại Công ty sữa có trụ sở ở tỉnh Thanh Hóa, thu nhập bình quân hàng tháng được 10 triệu đồng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Phạm Văn B, tiến hành lấy lời khai của anh Biên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2022, anh Phạm Văn B trình bày: Về quá trình kết hôn giữa anh chị đúng như chị Ttrình bày, còn về thời gian mâu thuẫn theo anh, hai vợ chồng sống hạnh phúc được với nhau đến khoảng cuối tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, việc làm ăn kinh doanh tại gia đình gặp khó khăn, thu lỗ dẫn đến hai vợ chồng xảy ra va chạm, vãi vã, to tiếng với nhau. Đến cuối tháng 11 năm 2021 chị Tđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đông Trung, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân nhau. Trong quá trình hai vợ chồng sống ly thân, anh vẫn thường xuyên liên lạc với chị Thúy, có lần lên trực tiếp nhà bố mẹ chị Tđể nói chuyện, mong muốn chị Tsuy nghĩ lại quay về đoàn tụ cùng với anh, nhưng đến nay chị Tvẫn không đồng ý. Nay chị Tkhởi kiện xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh không muốn các con của anh sống thiếu bố hoặc mẹ. Tuy nhiên nếu chị Tkiên quyết muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn chị Thúy.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị Ttrình bày là đúng, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì quan điểm của anh là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Đức Anh và cháu Bảo Nam còn giao cho chị

Tnuôi cháu Trường cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Tvà anh Biên. Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2022, đại diện lãnh đạo xã An Thanh, đại diện Hội phụ nữ xã, Công chức lao động thương binh xã hội xã, Công chức Tư pháp - hộ tịch xã và phó trưởng thôn An Lao, xã An Thanh đều xác định: Chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010. Được UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2010. Sau khi kết hôn xong hai vợ chồng chị Thúy, anh Bsống cùng nhau tại Thôn An L, xã An T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung vợ chồng chị Thúy, anh Btheo địa phương nắm bắt được diễn ra bình thường, cho đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, mặt khác việc kinh doanh bến bãi của gia đình gặp khó khăn, thua lỗ, anh Blại không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè uống rượu, bia, nhiều lần như vậy dẫn đến hai vợ chồng xảy ra va chạm, cãi vã. Do chán nản nên chị Tđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng chị Thúy, anh Bsống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tkhởi kiện xin ly hôn anh Biên, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi con của chị Tvà anh Bthì theo địa phương nắm bắt được hiện anh Bđang sống cùng với bố mẹ đẻ ở thôn An Lao, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, anh Bhiện đã bỏ kinh doanh bến bãi và đi làm công ty, có thu nhập nên có đủ điều kiện nuôi con. Đối với chị Thiện không lao động tại địa phương nên địa phương không nắm bắt được điều kiện nuôi con của chị Thúy. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Tvà anh Bly hôn thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để có thể đảm bảo tốt nhất cuộc sống cho các cháu.

Cháu Phạm Đức Anh và Phạm Bảo N nguyện vọng muốn ở với chị Thúy.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17 tháng 6 năm 2022, bị đơn là anh Phạm Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị Tcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Bđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp

nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn B; Về con chung: Giao con chung là Phạm Đức A sinh ngày 31/10/2011 và Phạm Mạnh T sinh ngày 02/8/2019 cho chị Trịnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 27/7/2014 cho anh Phạm Văn Biên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tvà anh Bkhông yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chungkhông ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị Tphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Phạm Văn B, tại thời điểm thụ lý vụ án anh Bvẫn sinh sống tại Thôn An L, xã An T, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Trịnh Thị T sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bđã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Thúy, anh Btheo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Thúy và anh Blà hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: chị Ttrình bày do anh Bthường xuyên tụ tập bạn bè, không ở nhà, không quan tâm đến vợ con, không có ý chí phấn đấu cho tương lai. Chị cũng nhiều lần nói chuyện và khuyên bảo anh Bnhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau; còn anh Btrình bày mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do việc làm ăn kinh doanh tại gia đình gặp khó khăn, thu lỗ dẫn đến hai vợ chồng xảy ra va chạm, vãi vã, to tiếng với nhau, dẫn đến việc chị Tbỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nên nay chị Txin ly hôn anh không đồng ý. Mặc dù lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Thúy và anh Bkhông thống nhất nhưng thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Chị Thúy xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với lý do anh không muốn các con của anh sống thiếu bố hoặc mẹ. HĐXX thấy mặc dù anh Bkhông đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải

thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bđã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị Thúy nhưng anh Bkhông đến, chứng tỏ anh Bkhông có thiện chí để đoàn tụ với chị Thúy, lý do anh Bkhông đồng ý ly hôn vì không muốn các con của anh sống thiếu bố hoặc mẹ là không chính đáng, không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị Tvà anh Bđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thúy, xử cho chị Tđược ly hôn anh Blà phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tvà anh Bcó 03 con chung là Phạm Đức A sinh ngày 31/10/2011, Phạm Bảo N, sinh ngày 27/7/2014 và Phạm Mạnh T sinh ngày 02/8/2019, hiện cháu Trường đang sống cùng với chị Tcòn cháu Đức Anh và cháu Bảo Nam đang sống cùng với anh Biên. Khi ly hôn chị Tcó quan điểm muốn được nuôi cháu Đức Anh và cháu Trường còn giao cho anh Bnuôi cháu Bảo Nam; anh Bcó quan điểm, anh muốn được nuôi cháu Đức Anh, cháu Bảo Nam và giao cho chị Tnuôi cháu Trường. Như vậy chị Tvà anh Bthống nhất được về việc chị Tnuôi cháu Trường, anh Bnuôi cháu Bảo Nam và hai anh chị tranh chấp nhau trong việc nuôi cháu Đức Anh. Xét thấy, theo lời khai của chị Thúy, anh Bcùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Tvà anh Bđều khai có công việc, có thu nhập ổn định, có bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Tđã giao nộp các tài liệu để chứng minh cho Tòa án còn anh Bmặc dù Tòa án đã yêu cầu nhưng anh Bkhông cung cấp. Mặc dù chính quyền địa phương nơi anh Bsinh sống có xác nhận về việc hiện anh Bcó đi làm và có thu nhập cũng như anh Bcó đủ điều kiện nuôi con, nhưng khi xem xét giao con cho ai cần xem xét một cách toàn diện về mọi mặt và trong trường hợp này phải xem xét cả về nguyện vọng của con. Cháu Đức Anh tại đơn trình bày nguyện vọng gửi Tòa án thể hiện khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ quan tâm và lo cho cháu tốt hơn còn bố thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến mẹ con cháu. Vì vậy để đảm bảo con chung có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, cần chấp nhận yêu cầu của chị Thúy, giao con chung là cháu Phạm Đức Anh và cháu Phạm Mạnh Trường cho chị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là cháu Phạm Bảo N cho anh Btrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Thúy, anh Bkhông yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung, công nợ: Chị Tvà anh Bđều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tkhởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T; Xử cho chị Trịnh Thị T ly hôn anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức A sinh ngày 31/10/2011 và Phạm Mạnh T sinh ngày 02/8/2019; giao cho anh Phạm Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 27/7/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tvà anh Bkhông yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Trịnh Thị T và anh Phạm Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004435 ngày 08/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thanh;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thành